

Nâng cao năng lực ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

TRẦN VĂN HÙNG

Ngành công nghiệp chế biến gỗ của VN đã đạt được nhiều thay đổi tích cực trong những năm vừa qua, sản lượng và chất lượng sản phẩm tăng cao, sản phẩm đã được tiêu thụ rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, năng lực của ngành chế biến gỗ nước ta cả về quy mô lẫn chất lượng vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập quốc tế. Bài viết này dựa trên nguồn số liệu thứ cấp thu thập được từ các cơ quan chức năng nhằm đánh giá thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ của VN hiện nay, nêu lên những hạn chế, thách thức của ngành chế biến gỗ trước yêu cầu hội nhập quốc tế và đề xuất một số khuyến nghị góp phần nâng cao năng lực của ngành chế biến gỗ VN.

Từ khóa: Chế biến gỗ, hội nhập, nâng cao, thách thức.

1. Giới thiệu

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 đã tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp phát triển. Đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và mở cửa nền kinh tế đã tạo điều kiện mở rộng thị trường, tăng giá trị xuất khẩu, khuyến khích các ngành công nghiệp phát triển, trong đó có ngành công nghiệp chế biến gỗ. Đây là một trong những ngành công nghiệp chế biến chủ lực của VN. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của VN đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm góp phần tạo nguồn thu nhập cho đất nước nói chung và tạo công ăn việc làm cho người dân nói riêng. Theo kết quả điều

tra của Phòng chế biến bảo quản lâm sản thuộc Cục Chế biến nông lâm thủy hải sản thì số lượng các doanh nghiệp chế biến gỗ đã tăng từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000 lên đến gần 4.000 doanh nghiệp tính đến hết năm 2013, tăng 1,74 lần so với năm 2000 và tăng 3,34 lần so với năm 2000. Trong đó, doanh nghiệp chế biến gỗ ngoài quốc doanh chiếm 65,4%, doanh nghiệp nhà nước chiếm 31%, còn lại là doanh nghiệp liên doanh và 100% vốn nước ngoài đầu tư. Trong những năm qua, ngành công nghiệp chế biến gỗ đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, không ngừng tăng nhanh về số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Các sản phẩm gỗ của VN không chỉ có uy tín và tiêu thụ trong nước mà được tiêu thụ ở hơn 120 quốc gia trên thế giới với hơn 3.000 mặt hàng sản phẩm các loại đưa VN trở thành

một trong năm nước có giá trị xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất thế giới. Cũng theo số liệu của Phòng chế biến lâm sản quy mô chế biến đã tăng từ 3 triệu m³ gỗ nguyên liệu/năm (năm 2005) lên khoảng trên 15 triệu m³ gỗ tròn/năm (năm 2012). Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của VN đã tăng từ 219 triệu USD (năm 2000) lên trên 3,9 tỷ USD (năm 2011) và 4,68 tỷ USD (năm 2013), góp phần quan trọng đưa tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản năm 2013 lên mức 27,5 tỷ USD. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong hơn 10 năm vừa qua nhưng ngành chế biến gỗ vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém và sự phát triển mang tính thiếu bền vững, cụ thể là chất lượng sản phẩm sản xuất có giá trị chưa cao, thiếu thông tin trên thị trường, thiếu nguồn vốn đầu tư và máy móc thiết bị và tay nghề lao động

còn lạc hậu, chưa có thương hiệu riêng cho sản phẩm, không chủ động được nguồn nguyên liệu mà phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập từ bên ngoài với khoảng 70-80% nhu cầu nguyên liệu gỗ của cả nước, sản phẩm bị cáo buộc về việc sử dụng nguồn nguyên liệu bất hợp pháp, chưa khai thác hết khả năng vốn có để nâng cao hiệu quả, hầu hết các doanh nghiệp chế biến gỗ đều có quy mô vừa và nhỏ, chưa có sự liên kết với nhau, và v.v. đã khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với thế giới đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế thế giới hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, các nước đưa ra nhiều tiêu chuẩn, khắt khe hơn. Ngoài những khó khăn chung như trên, các doanh nghiệp chế biến gỗ còn gặp phải những khó khăn mang tính đặc thù của ngành như sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm của các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan. Chi phí đầu vào của nước ta đang có chiều hướng gia tăng và không ổn định trong khi các sản phẩm trên thế giới đa phần có xu hướng giảm giá, nâng cao chất lượng để cạnh tranh. Ngoài ra, khi gia nhập vào nền kinh tế thế giới nói chung, chúng ta gặp phải nhiều trở ngại về khía cạnh pháp lý, về tiêu chuẩn sản phẩm, sự thiếu hiểu biết về thị trường đã gây nhiều thiệt hại cho các doanh nghiệp nói riêng và cho nền kinh tế nói chung. Như vậy, trong giai đoạn hiện nay ngành chế biến gỗ đang có những thuận lợi, cơ hội lớn cho sự phát triển nhưng vẫn tồn tại nhiều thách thức và khó khăn.

2. Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ VN

2.1 Quy mô của ngành và sự phân bố

Trong thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của VN đã có nhiều thay đổi sâu sắc. Số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ tăng nhanh từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000, đến cuối năm 2007 có 2.526 doanh nghiệp, tăng 2,8 lần so với năm 2000 và cuối năm 2013 có trên 3.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến gỗ. Phần lớn các doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở miền Nam với hơn 80% số lượng doanh nghiệp của cả nước. Trong đó, tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ với 1.796 doanh nghiệp, chiếm 59,79% tổng số doanh nghiệp của cả nước và tập trung chủ yếu ở Đồng Nai, Bình Dương và TP.HCM. Cả nước hiện có 4 khu công nghiệp chế biến gỗ thì 3 khu công nghiệp tập trung ở miền Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương) và 1 ở Bình Định. Số doanh nghiệp chế biến gỗ của miền

Bắc tuy tăng chậm hơn miền Nam nhưng cũng tăng từ 351 doanh nghiệp năm 2000 lên 591 doanh nghiệp năm 2010.

Theo VIFORES ở thời điểm năm 2000, trong tổng số các doanh nghiệp chế biến gỗ thì các doanh nghiệp nhà nước chiếm 40,85%, doanh nghiệp tư nhân chiếm 57,1%, còn lại là doanh nghiệp liên doanh chiếm 2,05%. Đến năm 2007, doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 4,27% trong tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp tư nhân chiếm 77,63% và doanh nghiệp liên doanh chiếm 18,1%. Theo cục chế biến thương mại nông lâm sản thì đến năm 2013 cả nước có trên 3.000 doanh nghiệp chế biến gỗ thuộc các loại hình sở hữu khác nhau, trong đó có 95% thuộc sở hữu tư nhân còn lại là thuộc nhà nước.

Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư của một doanh nghiệp thì trong năm 2005

Bảng 1: Số lượng và phân bố các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ giai đoạn 2000-2010

Vùng	Năm 2000		Năm 2005		Năm 2010	
	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)
Cả nước	896	100	1.718	100	3.004	100
Miền Bắc	351	39,17	906	52,7	591	19,67
- ĐB Sông Hồng	118	13,16	530	30,85	25	0,84
- Đông Bắc	72	8,00	165	9,6	158	5,27
- Tây Bắc	10	1,49	20	1,16	257	8,55
- Bắc Trung Bộ	151	16,85	191	11,11	151	5,02
Miền Nam	545	60,83	811	47,3	2413	80,33
- DH Nam Trung bộ	124	13,84	116	6,75	222	7,39
- Tây Nguyên	125	13,84	99	5,54	274	9,12
- Đông Nam Bộ	254	28,34	476	27,7	1796	59,79
- ĐB sông Cửu Long	42	4,68	101	5,87	121	4,03

Nguồn: Số liệu năm 2000 của Bộ NN&PTNT, số liệu năm 2005 của FOMIS, Vifores, HAWA

vốn đầu tư bình quân của một doanh nghiệp cả nước là 5.988 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư bình quân 1 doanh nghiệp chế biến gỗ ở miền Nam là 5.800 triệu đồng và ở miền Bắc là 3096 triệu đồng. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư trên lao động thì vốn đầu tư /lao động bình quân của cả nước là 94,5 triệu đồng/lao động, ở miền Nam chỉ tiêu này là 65,5 triệu đồng/lao động và ở miền Bắc là 76,1 triệu đồng.

Nguồn lao động làm việc trong các doanh nghiệp chế biến gỗ tăng lên đáng kể. Trong năm 2005 bình quân 1 doanh nghiệp có 63,5 lao động, đến năm 2007 là 93,3 lao động. Các doanh nghiệp có quy mô lao động lớn tập trung ở Nam Trung Bộ (205 lao động/doanh nghiệp), ở Đông Nam Bộ (111 lao động/doanh nghiệp). Với quy mô như trên thì đa số các doanh nghiệp chế biến gỗ ở nước ta vẫn ở quy mô vừa và nhỏ. Cũng theo Cục Chế biến thương mại nông lâm sản và nghề muối cho biết, nếu tính trên mức độ sử dụng lao động thì có đến 46% tổng số doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô siêu nhỏ; 49% là quy mô nhỏ; 1,7% là quy mô vừa; 2,5% là quy mô lớn. Còn nếu xét về vốn đầu tư, có đến 93% số doanh nghiệp chế biến gỗ ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Nhiều cơ sở chế biến nhỏ và siêu nhỏ, nhất là ở các khu vực làng nghề, người lao động hầu như không được đào tạo cơ bản nên khả năng làm chủ công nghệ, thiết bị sản xuất không cao. Do vậy, có thể nói lực lượng

Bảng 2: Phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ theo quy mô lao động (*) (%)

Năm	Tổng	DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	DN lớn
2000	100	32,39	58,57	3,10	5,94
2001	100	33,86	57,11	3,95	5,08
2002	100	30,71	60,02	3,71	5,57
2003	100	29,01	62,31	2,95	5,73
2004	100	30,58	61,64	2,91	4,87
2005	100	34,21	59,30	2,75	3,74
2006	100	38,83	55,86	2,46	2,85
2007	100	38,20	56,99	2,05	2,76
2008	100	43,58	52,81	1,65	1,97
2009	100	43,58	52,81	1,65	1,97

(*) Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 20/6/2009 của Chính phủ quy định số lượng lao động trung bình hàng năm của doanh nghiệp từ 10 người trở xuống được coi là doanh nghiệp siêu nhỏ, từ 10 người đến dưới 200 lao động được coi là doanh nghiệp nhỏ, từ 200 đến 300 lao động được coi là doanh nghiệp vừa, trên 300 lao động là doanh nghiệp lớn.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

lao động chế biến gỗ có trình độ đại học và cao đẳng còn ít, số công nhân kỹ thuật và công nhân lao động trực tiếp được đào tạo ở các nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu về chế biến gỗ không nhiều. Đây cũng chính là nguyên nhân tại sao các doanh nghiệp VN không thể đưa ra được những sản phẩm cao cấp để cạnh tranh với sản phẩm của các nước. Trong khi đó các doanh nghiệp chế biến gỗ có vốn đầu tư nước ngoài có tổng vốn đầu tư bình quân 1 doanh nghiệp là 1.317.900 USD, các doanh nghiệp này chủ yếu sản xuất sản phẩm để xuất khẩu, đóng góp trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của cả nước trong khi họ chỉ chiếm 16%. Họ có lợi thế về kinh nghiệm sản xuất, năng lực tài chính, chủ động được thị trường đầu vào và đầu ra.

2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm gỗ

Sản phẩm của các doanh nghiệp chế biến gỗ chủ yếu xuất khẩu ra nước ngoài. Đồ gỗ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực lớn thứ 5 của VN sau dầu thô, dệt may, giấy dếp, thủy sản. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ của nước ta tăng mạnh qua các năm với mức tăng bình quân 15,2% trong vòng 10 năm qua.

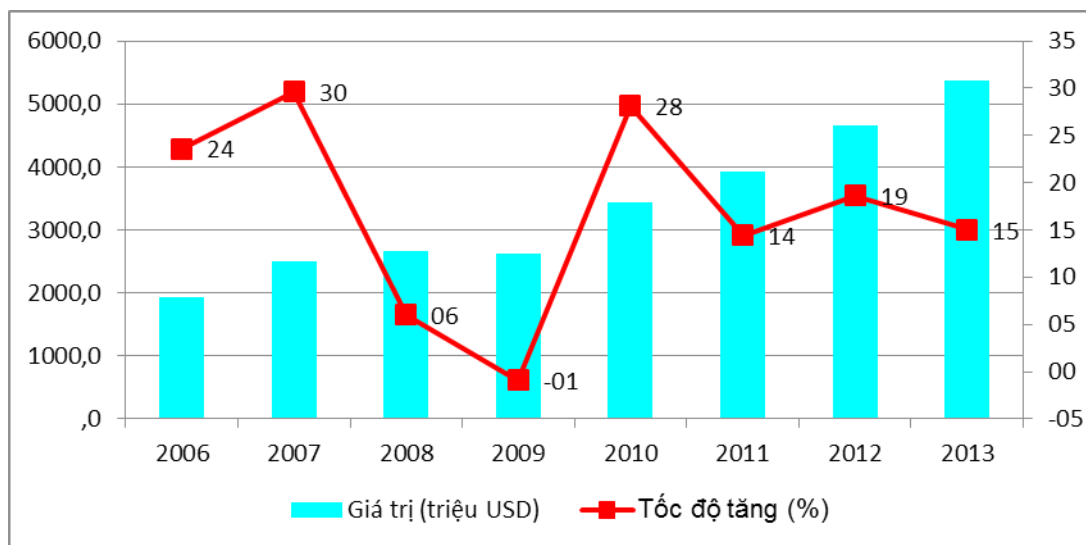
Nhu cầu sử dụng sản phẩm đồ gỗ trên thế giới là rất lớn, VN chỉ đáp ứng 1,6% thị phần của thế giới (khoảng 300 tỷ USD). Các doanh nghiệp trong nước phần lớn có năng suất thấp nên chỉ nhận những đơn hàng khoảng từ 40-50 container/tháng. Còn những đơn hàng từ hơn 100 container/tháng thì nằm trong tay các doanh nghiệp

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng của đồ gỗ VN giai đoạn 2000 - 2013

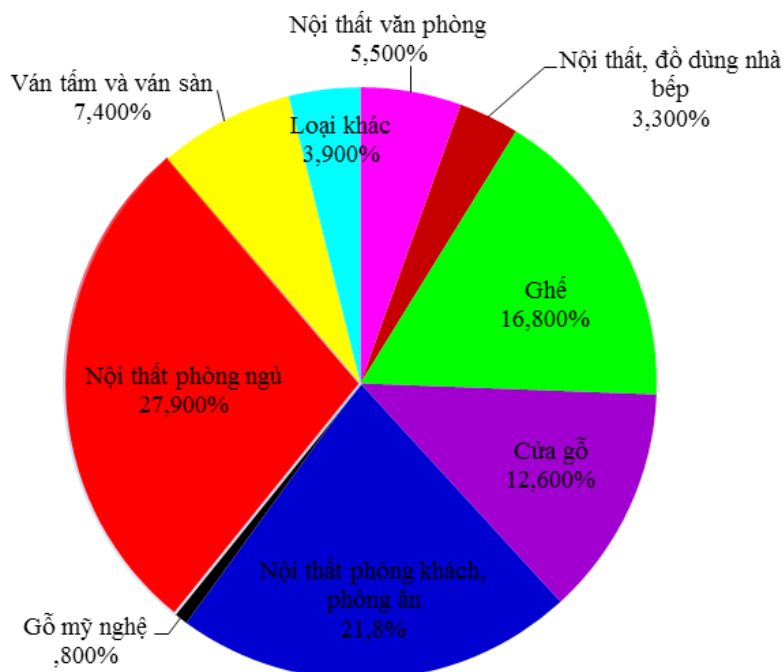
	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Giá trị (triệu USD)	219	1562	1931	2503	2654	2628	3435	3930	4661	5370
Tốc độ tăng (%)	-	-	23,6	29,6	6	(0,9)	28,1	14,4	18,6	15

Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan

Hình 1: Kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng của đồ gỗ VN giai đoạn 2000 - 2013



Hình 2: Cơ cấu gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Hải quan (2008)

FDI. Những doanh nghiệp đạt kim ngạch cao đều là những công ty có vốn đầu tư nước ngoài như công ty Cty TNHH Scancom VN, kim ngạch xuất khẩu đạt 41,6 triệu USD; công ty TNHH Green River Wood & Lumber (VN) kim ngạch xuất khẩu được 40,8 triệu USD... 20 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt kim ngạch cao nhất năm 2013 chiếm 26,8% tổng kim ngạch, đạt 510,22 triệu USD. Đa số các doanh nghiệp nội địa chỉ sản xuất đủ năng lực và chủ yếu chuẩn bị cho việc tái cơ cấu

Về cơ cấu mặt hàng gỗ xuất khẩu: đồ gỗ ngoại thất chiếm tỷ trọng hơn 72% trong cơ cấu sản phẩm gỗ xuất khẩu, dăm và thanh gỗ làm nhiên liệu chiếm 18% trong tổng cơ cấu sản phẩm.

Về thị trường xuất khẩu: Sản phẩm của các doanh nghiệp chế biến gỗ của nước ta đã được tiêu thụ trên toàn quốc và có mặt ở 120 quốc gia trên thế giới. Trong đó có các thị trường lớn như Mỹ (20%), EU (28%), Nhật (24%).

Bảng 4: Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu giai đoạn 2000 - 2013

Năm	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Kim ngạch nguyên liệu gỗ (triệu USD)	78	667	760	1.022	1.095	1.134	1.151,7	1.300	1.256	1.459
Sản lượng gỗ khai thác (*) (1.000 m ³)	2.375,6	2.996,4	3.128,5	3.461,8	3.552,9	3.766,7	4.607,3	4.692	5.251	5.608

(*) Sản lượng gỗ khai thác bao gồm gỗ tự nhiên và gỗ rừng trồng.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.3 Tình hình nguồn nguyên liệu

Trong những năm vừa qua ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh mẽ dẫn đến nhu cầu sử dụng nguyên liệu gỗ cho chế biến tăng cao. Trong năm 2003, tổng khối lượng gỗ sử dụng cho chế biến là 8,8 triệu m³ đến năm 2005 là 10 triệu m³ và năm 2008 là 11 triệu m³. Ngành chế biến gỗ của VN sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ được khai thác ở trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Nguồn gỗ trong nước chủ yếu được khai thác từ rừng tự nhiên. Trước năm 2000, sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên của VN đạt trung bình 1,8 triệu m³ gỗ tròn/năm, chiếm khoảng 70% tổng lượng nhu cầu gỗ cho chế biến. Đến năm 2003, lượng gỗ khai thác này chỉ còn 0,5 triệu m³/năm, năm 2004 là 0,3 triệu m³/năm, năm 2005 là 0,18 triệu m³/năm và năm 2008 là 0,15 triệu m³/năm. ... nguồn nguyên liệu gỗ ở trong nước chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu, nguồn gỗ rừng tự nhiên rất hạn chế, còn gỗ rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ và chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn kỹ thuật do các đối tác lớn đề ra. Do đó, lượng nguyên liệu gỗ lớn còn lại phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Nguyên liệu gỗ nhập khẩu tăng qua các năm do có nhiều các doanh nghiệp tham gia vào ngành chế biến gỗ. Giá nguyên liệu gỗ nhập khẩu thường biến động theo hướng tăng giá và việc nhập nguyên liệu gỗ sẽ rất dễ bị động và gặp nhiều

khó khăn như: nhiều nước thay đổi chính sách nên cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu; việc xác định chất lượng gỗ, tuổi gỗ phải thông qua cơ quan có chức năng xác nhận; thiếu thông về nguyên liệu, đối tác, thương mại v.v.. Nhu cầu nguyên liệu ngày càng gia tăng trong khi nguồn cung trong nước là rất thấp nên đây cũng là một thách thức lớn đối với ngành chế biến gỗ.

Nhìn chung ngành chế biến gỗ chiếm vị trí quan trọng đối với ngành công nghiệp chế biến của nước ta, là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực và giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng đều qua các năm, sản phẩm đã có uy tín chất lượng và được tiêu thụ trên toàn thế giới, đóng góp vào sự phát triển của ngành lâm nghiệp và thu nhập quốc dân. Tuy nhiên, quy mô và năng lực của ngành vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được những yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

3. Những hạn chế của ngành chế biến gỗ trước nhu cầu hội nhập quốc tế

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong những năm vừa qua, ngành chế biến gỗ còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được những yêu cầu đặt ra của quốc tế đặc biệt là sau khi VN gia nhập WTO. Có thể kể đến những hạn chế sau:

Thứ nhất, nguồn nguyên liệu chưa ổn định, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu

từ nước ngoài. Đây là một trong những hạn chế lớn nhất của ngành chế biến gỗ nước ta. Lượng nguyên liệu gỗ nhập khẩu hàng năm chiếm khoảng 80% tổng nhu cầu gỗ cho chế biến. Việc nhập khẩu nguyên liệu gỗ sẽ gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực như giá nguyên liệu thường biến động tăng 30-40%, không chủ động được nguồn nguyên liệu, không nắm rõ được nguồn gốc, chất lượng nguyên liệu nhập, làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Nguyên nhân là do Chính phủ đã cấm khai thác nguồn gỗ tự nhiên, công tác quy hoạch nguồn nguyên liệu trong nước còn hạn chế, việc xây dựng mạng lưới chế biến gỗ trên toàn quốc chưa thống nhất.

Thứ hai, quy mô sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ nước ta chủ yếu là nhỏ và vừa. Với quy mô này các doanh nghiệp rất khó thực hiện được các hợp đồng lớn của nước ngoài nên chủ yếu vẫn là gia công, chưa xây dựng được thương hiệu cho mình, sản phẩm vẫn chủ yếu được bán qua các khâu gian, công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành chế biến gỗ chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức.

Thứ ba, công nghệ chế biến còn thô sơ, mang tính thủ công, đơn lẻ, thiếu sự kết hợp và phát triển đồng bộ. Các doanh nghiệp chưa chủ động đầu tư thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thông tin xúc

tiến thương mại v.v đã số các doanh nghiệp còn ở quy mô nhỏ.

4. Giải pháp nâng cao năng lực ngành công nghiệp chế biến gỗ của VN

Để tạo điều kiện cho ngành chế biến phát triển, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, một số đề xuất khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, chủ động nguồn gỗ nguyên liệu cho sản xuất chế biến: Nhà nước đặc biệt bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các địa phương có rừng tự nhiên lớn cần đẩy mạnh công tác quản lý, hạn chế những thiệt hại do chặt phá rừng tự nhiên; cần thực hiện công tác quy hoạch, phát triển nguồn nguyên liệu như quy hoạch, cấp đất cho phát triển vùng trồng rừng nguyên liệu, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trồng rừng nguyên liệu trong nước và liên kết trồng rừng với nước ngoài như Lào, Campuchia, tập trung trồng rừng theo phương thức thâm canh, tự túc nguồn nguyên liệu gỗ cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm gỗ vào những năm tới bằng những chính sách hỗ trợ về thuế, lãi suất cho vay, nguồn vốn vay, v.v.. Ưu tiên phát triển tập trung các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu. Các doanh nghiệp cần từng bước, đa dạng hóa sử dụng nguyên liệu gỗ đầu vào như gỗ nông nghiệp, gỗ vườn, gỗ ép công nghệ; đồng thời tìm kiếm những mẫu mã mới có khả năng kết hợp sản phẩm gỗ với các loại nguyên liệu khác nhằm giảm sức ép về nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Thứ hai, đổi mới công nghệ chế biến, thiết kế mẫu mã sản phẩm: Trước nhu cầu đa dạng, phong phú về mặt hàng của thị trường thế giới, các doanh nghiệp cần chú ý chuyển

hướng sang chế biến các mặt hàng gỗ theo nhu cầu của thị trường như chuyển các mặt hàng ngoài trời sang sản xuất các mặt hàng gỗ nội thất. Điều này liên quan đến vốn đầu tư mở rộng nhà xưởng, công nghệ mới, đào tạo công nhân kỹ thuật và thiết kế mẫu mã để đáp ứng yêu cầu các thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư máy, thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Các doanh nghiệp cần liên kết với nhau trong trao đổi thông tin về sản phẩm, thị trường, chính sách, liên kết tạo uy tín với người tiêu dùng, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng tạo thương hiệu sản phẩm.

Thứ ba, xây dựng các trung tâm đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho người lao động: Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đào tạo tại chỗ, gắn đào tạo với sử dụng lao động để nâng cao tay nghề cho công nhân và cán bộ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu: Nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu đồ gỗ VN, các doanh nghiệp cần liên kết trong việc tìm nguồn hàng, trực tiếp tổ chức nhập khẩu, nhằm giảm chi phí, trung gian.

Thứ năm, các giải pháp hỗ trợ: nâng cao vai trò của các hiệp hội lâm sản, Cục Chế biến lâm sản, các Bộ ngành có liên quan cần có những giải pháp trợ theo chỉ thị 19/2004/CT/Ttg ngày 1 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Quyết định 2728/QĐ-BNN-CB phê duyệt Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ VN đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*.
- Hoàng Quang Phòng, “Cơ hội và thách thức ngành công nghiệp chế biến gỗ VN sau khi gia nhập WTO”, Hội thảo quốc gia, Hiệp hội doanh nghiệp thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp VN.
- Huỳnh Thị Thu Sương (2012), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hợp tác trong chuỗi cung ứng đồ gỗ: Trường hợp vùng Đông Nam Bộ*, Luận văn tiến sĩ, ĐH Kinh tế TP.HCM.
- Lê Xuân Nguyên (2011), *Phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
- Nguyễn Thị Cành, *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*, NXB ĐH Quốc gia Tp.HCM
- Nguyễn Tôn Quyền, *Báo cáo “Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ VN”*, Hiệp hội chế biến gỗ VN.
- Nguyễn Tôn Quyền, Trịnh Vỹ, Huỳnh Thạch & Vũ Bảo (2006), “Công nghiệp chế biến gỗ ở VN”, *Cẩm nang ngành lâm nghiệp*.
- Phan Ánh Hà (2009), “Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ VN và giải pháp ứng phó với sự thay đổi của thị trường gỗ thế giới”, *Tạp chí Kinh tế phát triển*, số 224, tháng 6/2009.
- Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 5/2/2007 về việc phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp VN giai đoạn 2006 – 2020*.
- Tổng cục Thống kê, Hiệp hội chế biến gỗ, Tổng cục Hải quan, Bộ Công thương, *Số liệu & văn bản*
- Trần Văn Thắng, Mai Văn Nam & Khưu Thị Phương Đông, “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp gỗ VN”, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 38 (tháng 2/2011).